

Bản án số: 71/2023/DS-PT

Ngày: 15/12/2023

V/v: Tranh chấp kiện đòi tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Quý Sửu

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Quế và ông Lê Quý My

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Thuý Linh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên: Bà Dương Thị Hương Liên, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 49/2023/DS-PT ngày 03/10/2023 về việc kiện Tranh chấp kiện đòi tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 18/2023/DS-ST ngày 06/7/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên có kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2023/QĐ-PT ngày 06/11/2023; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Đức C, sinh năm 1979; địa chỉ: B N, phường N, quận A, thành phố Hồ Chí Minh; có mặt

Bị đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần C1; địa chỉ: số A T, quận H, Thành phố Hà Nội; đại diện theo uỷ quyền: Bà Lê Thị B; chức vụ: Phó giám đốc Ngân hàng TMCP C1, Chi nhánh T1; có mặt

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Khắc H; Chấp hành viên; vắng mặt.

2. Bà Nghiêm Thị T, sinh năm 1968; địa chỉ: Tổ F, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên; vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Đức P, sinh năm 1982; địa chỉ: Tổ B, phường H, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên; vắng mặt.

4. Bà Lê Thị G, sinh ngày 3/5/1983; địa chỉ: Tổ G, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên; vắng mặt.

Ông Nguyễn Đức P, bà Lê Thị G uỷ quyền cho ông Nguyễn Đức C, sinh năm 1979; địa chỉ: B N, phường N, quận A, thành phố Hồ Chí Minh; có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Nguyễn Đức C trình bày:

Tại Bản án Kinh doanh thương mại phúc thẩm số 04/KDTM-PT ngày 06/06/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã buộc Công ty T2, địa chỉ: Tổ A phường Đ, thành phố T trả Ngân hàng TMCP C1 số tiền 5.803.549.631 đồng. Trường hợp Công ty T2 không trả được số nợ trên, Ngân hàng có quyền đề nghị phát mại quyền sử dụng thửa đất số 97, tờ bản đồ 20, diện tích 842,5m² và tài sản gắn liền với đất tại phường T, TP ., Ủy ban nhân dân thành phố T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 26/5/2009 mang tên ông Nguyễn Đức C, theo hợp đồng thế chấp tài sản ngày 14/01/2011. Ngoài ra Ngân hàng còn được quyền đề nghị phát mại quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Đức P, trú tại số E đường C, TP ..

Để tránh việc bị cưỡng chế thi hành án, ngày 18/9/2018 ông Nguyễn Đức C đã thỏa thuận với Ngân hàng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên, nội dung: Ông C có trách nhiệm trả Ngân hàng 1.300.000.000 đồng trong 02 lần, lần 1 trả 250 triệu đồng vào ngày 18/9/2018, số còn lại nộp trước ngày 31/12/2018. Ông C đã thực hiện nộp số tiền 250.000.000 đồng cho Ngân hàng.

Tại Quyết định Giám đốc thẩm số 07/2019/DS-GĐT ngày 20/5/2019 của TAND cấp cao tại Hà Nội đã tuyên hủy một phần bản án phúc thẩm số 04/KDTM-PT ngày 06/06/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xét xử phúc thẩm lại, theo hướng không xử lý phần tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của vợ chồng ông Nguyễn Đức C, bà Lê Thị G theo hợp đồng thế chấp tài sản ngày 14/01/2011.

Tại Bản án phúc thẩm số 07/2019/KDTM-PT ngày 28/11/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên quyết định: Tuyên bố Hợp đồng thế chấp tài sản số 1105801/HĐTC ngày 14/01/2012 giữa bên nhận thế chấp là Ngân hàng TMCP C1, Chi nhánh T1 với ông Nguyễn Đức C, bà Lê Thị G vô hiệu. Buộc Ngân hàng TMCP C1, Chi nhánh T1 trả lại cho ông Nguyễn Đức C Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 212668 cấp ngày 26/5/2009 và làm thủ tục xóa đăng ký thế chấp tại Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất TP ..

Ông Nguyễn Đức C khởi kiện cho rằng, do hợp đồng thế chấp vô hiệu, nên ông không có nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty CP T2 trong hợp đồng vay tài sản, yêu cầu Ngân hàng trả lại số tiền 250.000.000 đồng đã nộp cho Ngân hàng theo biên bản thỏa thuận thi hành án ngày 18/9/2018.

Bị đơn Ngân hàng TMCP C1 trình bày:

Căn cứ Bản án phúc thẩm số 07/2019/KDTM-PT ngày 28/11/2019 và Quyết định thi hành án theo yêu cầu của Chi cục Thi hành án dân sự TP Thái Nguyên ngày 22/01/2020, Ngân hàng đã trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông C và làm thủ tục xóa đăng ký thế chấp. Ngoài nghĩa vụ này, Bản án phúc thẩm số 07/2019/KDTM-PT ngày 28/11/2019 không tuyên Ngân hàng phải thực hiện nghĩa vụ nào khác. Hiện nay Ngân hàng đã hoàn thành nghĩa vụ theo các quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Theo quy định của pháp luật và thỏa thuận tại Hợp đồng thế chấp số 1105801/HĐTC ngày 14/01/2011, bên thế chấp không có nghĩa vụ trả nợ thay cho bên có nghĩa vụ được bảo đảm, nên việc ông C trả nợ thay cho Công ty T2 không phải để thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng thế chấp. Đây là hành vi tự nguyện của ông C và nằm ngoài phạm vi điều chỉnh của hợp đồng thế chấp. Việc ông C trả nợ thay là thực hiện nghĩa vụ theo Biên bản thỏa thuận thi hành án, không phải thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng thế chấp. Ông C nộp 250.000.000 đồng cho Ngân hàng để trả nợ cho Công ty T2 là thực hiện theo thỏa thuận: Đợt 1: Ngày 18/9/2018, ông Nguyễn Đức P nộp số tiền 1.000.000.000 đồng, Ông Nguyễn Đức C nộp số tiền 250.000.000đ. Ngân hàng miễn khoản tiền lãi còn lại và giải chấp đối với tài sản là quyền sử dụng đất đã kê biên của ông P, các bên đã thực hiện xong thỏa thuận tại Đợt 1. Do đó, kết quả thi hành án theo thỏa thuận được công nhận và có hiệu lực pháp lý độc lập với Hợp đồng thế chấp. Khi Hợp đồng thế chấp vô hiệu thì việc giải quyết hậu quả của giao dịch dân sự vô hiệu theo quy định tại Điều 131 Bộ luật dân sự, không liên quan, không áp dụng đối với khoản tiền 250.000.000 đồng mà ông C đã trả nợ thay cho Công ty theo thỏa thuận thi hành án.

Ông C trả nợ 250.000.000 đồng cho Công ty T2 là một trong các điều kiện thỏa thuận để Ngân hàng đồng ý giảm miễn lãi và xuất tài sản cho ông Nguyễn Đức P theo Biên bản thỏa thuận thi hành án ngày 18/09/2018. Trường hợp ông C đòi lại khoản tiền 250.000.000 đồng sẽ dẫn tới vi phạm các nội dung thỏa thuận, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của Ngân hàng. Ngoài ra, số tiền 250.000.000 đồng ông C tự nguyện trả nợ cho Công ty T2 đã được Ngân hàng thu hồi vào khoản nợ của Công ty nên Công ty mới là đối tượng được thụ hưởng. Ông C muốn đòi lại tiền thì kiện đòi Công ty T2 chứ không được đòi Ngân hàng.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:

Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên trình bày: Nội dung thống nhất với nội dung trình bày của Ngân hàng và ông Nguyễn Đức C; đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vụ việc theo quy định.

Ông Nguyễn Đức P trình bày: Biên bản thỏa thuận ngày 18/9/2018 tại Chi cục Thi hành án ghi rõ ông P nộp đủ 1.000.000.000 đồng sẽ trả lại giấy chứng nhận QSD đất cho ông P, còn 250.000.000 đồng của ông C nộp vào ngân hàng để đảm bảo tài sản của ông C không bị kê biên phát mại tài sản. Ông P đã nộp theo đúng thỏa thuận giữa ông, ông C, Ngân hàng tại cơ quan Thi hành án. Các bên đã cùng làm việc và thống nhất ông P nộp 1.000.000.000 đồng theo

thoả thuận. Ông đã nộp số tiền này vào ngân hàng và được miễn toàn bộ lãi, sau đó ngân hàng đã trả lại ông giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thế chấp tại ngân hàng đảm bảo cho khoản vay của Công ty T2. Ông C khởi kiện yêu cầu Ngân hàng trả ông C số tiền 250.000.000đồng, ông P nhất trí quan điểm của ông C

Bà Lê Thị G: Nhất trí với quan điểm của ông C, xác định số tiền 250.000.000đồng là tài sản riêng của ông C, đề nghị Ngân hàng trả ông C.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 18/2023/DS-ST ngày 06/7/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Đức C, buộc Ngân hàng Thương mại Cổ phần C1 trả cho ông C số tiền 250.000.000 đồng theo giấy nộp tiền ngày 18/9/2018 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần C1.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, lãi suất chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 20/7/2023 bị đơn Ngân hàng TMCP C1 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 18/2023/DS-ST ngày 06/7/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Nội dung kháng cáo, bị đơn trình bày như nội dung đã trình bày tại Tòa án cấp sơ thẩm

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo uỷ của bị đơn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo và các ý kiến trình bày tại cấp sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên phát biểu quan điểm: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 18/2023/DS-ST ngày 06/7/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Bị đơn kháng cáo trong hạn luật định, đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm, được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung:

Xét kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử thấy:

[2] Bản án Kinh doanh thương mại phúc thẩm số 04/KDTM-PT ngày 06/06/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã buộc Công ty T2, trả Ngân hàng Thương mại cổ phần C1 số tiền 5.803.549.361 đồng. Trường hợp

Công ty T2 không trả được số nợ trên, Ngân hàng có quyền đề nghị phát mại thửa đất số 97, tờ bản đồ 20, diện tích 842,5m² và tài sản trên đất, ông Nguyễn Đức C đã thế chấp cho Ngân hàng theo Hợp đồng thế chấp tài sản ngày 14/01/2011.

[3] Theo quyết định của bản án này, ông C phải chịu trách nhiệm của bên thế chấp đối với bên nhận thế chấp là Ngân hàng để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ cho Công ty T2. Thực tế, Công ty T2 không thực hiện nghĩa vụ theo quyết định của bản án, nên ngày 18/9/2018 ông Nguyễn Đức C đã thỏa thuận với Ngân hàng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên về việc ông C có trách nhiệm trả Ngân hàng 1.300.000.000 đồng, lần 1 trả 250.000.000 đồng vào ngày 18/9/2018, số còn lại trả trước ngày 31/12/2018.

[4] Do quyết định của bản án số 04/KDTM-PT ngày 06/06/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên bị huỷ phần xử lý tài sản thế chấp giữa ông C với Ngân hàng để xét xử phúc thẩm lại. Tại bản án Kinh doanh thương mại số 07/2019/KDTM-PT ngày 28/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã tuyên bố Hợp đồng thế chấp tài sản số 1105801/HĐTC ngày 14/01/2012 giữa bên nhận thế chấp là Ngân hàng TMCP C1, Chi nhánh T1 với ông Nguyễn Đức C, bà Lê Thị G vô hiệu.

[5] Điều 136 Luật THADS năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014) quy định: *1. Trường hợp quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm tuyên hủy bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật để xét xử sơ thẩm lại hoặc xét xử phúc thẩm lại thì việc thi hành án được thực hiện theo bản án, quyết định sơ thẩm mới có hiệu lực pháp luật hoặc bản án phúc thẩm mới.*

[6] Theo quyết định của bản án số 07/2019/KDTM-PT ngày 28/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, Ngân hàng không được quyền yêu cầu phát mại tài sản ông C đã thế chấp để thu hồi nợ của Công ty T2, đồng nghĩa với việc ông C không phải thực hiện nghĩa vụ bằng tài sản đã thế chấp cho Công ty T2 vay vốn Ngân hàng. Vì vậy, ông C có quyền yêu cầu Ngân hàng trả lại số tiền đã thực hiện theo quyết định của bản án cũ là có căn cứ.

[7] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn Ngân hàng TMCP C1, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 18/2023/DS-ST ngày 06/7/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

[8] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của Ngân hàng không được chấp nhận, nên Ngân hàng phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Từ những phân tích nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần C1; Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 18/2023/DS-ST ngày 06/7/2023 của Tòa án nhân dân thành

phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ngân hàng Thương mại cổ phần C1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm được đối trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0000426 ngày 27/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

3. Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm số 18/2023/DS-ST ngày 06/7/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên không kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND thành phố Thái Nguyên;
- Chi cục THADS TP. Thái Nguyên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Hoàng Quý Sửu